

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2020/HN&GD-ST

Ngày: 18 - 12 - 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lắm.

- Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Út.

Bà Nguyễn Kim Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2020/TLST - HN&GD ngày 07/10/2020 vụ án " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2020/QĐXXST - HN&GD ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-HN&GD ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim P, sinh năm: 1971.

Địa chỉ cư trú: Khu vực B, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đồng Si N (Đồng Chí N), sinh năm: 1969.

Địa chỉ cư trú: Khu vực B, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Kim P trình bày: Vào năm 1992 bà và ông Đồng Si N (Đồng Chí N) tổ chức lễ cưới, đến năm 1996 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Mỹ, Ny là UBND phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do bà và ông N tự nguyện. Bà và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác hiện Ny vẫn còn và đã có con riêng với người phụ nữ này. Bà có khuyên ngăn ông N quay về để lo cuộc sống vợ chồng nhưng ông N không đồng ý. Hiện Ny bà và ông N vẫn còn sống chung, sáng ông N đi chiều ông N về nhà, nhưng mọi sinh hoạt trong gia đình không ai quan tâm ai. Ny xét thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: có 02 cháu tên Đồng Hồng Nhật P (nữ), sinh ngày 15/4/1993, Đồng Hồng Nhật H (nữ), sinh ngày 19/9/2012. Cháu P đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi cháu Đồng Hồng Nhật Hà, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14/10/2020 bị đơn ông Đồng Si N (Đồng Chí N) trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà P về thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà P trình bày là không đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Hiện tại ông và bà P vẫn còn sống chung ở nhà mẹ vợ, sáng ông đi làm vườn, tối về ở chung nhà với mẹ vợ và bà P nhưng bà P không còn quan tâm đến ông, mọi sinh hoạt trong gia đình không ai quan tâm ai. Do ông còn thương vợ, con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về con chung: có 02 cháu tên Đồng Hồng Nhật P (nữ), sinh ngày 15/4/1993, Đồng Hồng Nhật Hà (nữ), sinh ngày 19/9/2012. Cháu P đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu giải quyết. Ông đồng ý giao cháu Đồng Hồng Nhật Hà cho bà P nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến Ny Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến Ny các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kiểm sát viên đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Kim P. Cho bà Lê Kim P được ly hôn với ông Đồng Si N (Đồng Chí N).

Về con chung: Giao cháu Đồng Hồng Nhật Hà (nữ), sinh ngày 19/9/2012 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông N không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Đồng Si N (Đồng Chí N) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng minh nhân dân thì ông N tên là

Đồng Si N, theo sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn là Đồng Chí N. Ngày 04/11/2020 Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ xác minh tại Khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thì được chính quyền địa phương cho biết: Tại địa phương ông N có tên thường gọi là Đồng Si N, còn trong sổ hộ khẩu là Đồng Chí N và xác định Đồng Si N và Đồng Chí N là một người. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Đồng Si N trong giấy chứng minh nhân dân và Đồng Chí N trong sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/10/1996 là một người. Vào năm 1992 bà Lê Kim P và ông Đồng Si N (Đồng Chí N) kết hôn đến ngày 03/10/1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ (cũ), tỉnh Hậu Giang nay là Ủy ban nhân dân phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, Hậu Giang theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông N là hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà P và ông N chung sống hạnh phúc từ năm 1992 đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà P trình bày là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác hiện nay vẫn còn và đã có con riêng với người phụ nữ này. Bà có khuyên ngăn ông N quay về để lo cuộc sống vợ chồng nhưng ông N không đồng ý. Còn ông N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Tại phiên tòa bà P thừa nhận hiện nay bà và ông N tuy vẫn còn sống chung, sáng ông N đi chiều ông N về nhà, nhưng mọi sinh hoạt trong gia đình không ai quan tâm ai. Tại biên bản hòa giải ngày 14/10/2020 ông N trình bày mặc dù hiện tại ông còn ở chung nhà với mẹ vợ và bà P nhưng bà P không còn quan tâm đến ông, mọi sinh hoạt trong gia đình không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù hiện nay bà P và ông N vẫn còn sống chung nhưng mọi sinh hoạt trong gia đình không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy giữa bà P và ông N không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông N nhưng tại phiên tòa bà P vẫn cương quyết ly hôn với ông N. Chứng tỏ cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà P và ông N có 02 con chung tên Đồng Hồng Nhật P (nữ), sinh ngày 15/4/1993, Đồng Hồng Nhật Hà (nữ), sinh ngày 19/9/2012. Cháu P đã trưởng thành, có gia đình riêng, bà P và ông N không yêu cầu giải quyết nên

Hội đồng xét xử không xem xét. Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đồng Hồng Nhật Hà (nữ), sinh ngày 19/9/2012, không yêu cầu ông N cấp dưỡng, ông N đồng ý giao cháu Đồng Hồng Nhật Hà cho bà P nuôi dưỡng. Tại văn bản ngày 27/10/2020 cháu Hà có nguyện vọng được sống với bà P. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Hà cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật. Bà P chưa yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Dương sự còn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] *Vì các lẽ trên:*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, 28, 35, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Kim P. Cho bà Lê Kim P được ly hôn với ông Đồng Sĩ N (Đồng Chí N).

Về con chung: Cháu Đồng Hồng Nhật P (nữ), sinh ngày 15/4/1993 đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tiếp tục giao cháu Đồng Hồng Nhật Hà (nữ), sinh ngày 19/9/2012 cho bà Lê Kim P tiếp tục nuôi dưỡng, bà P chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét. Dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông Đồng Sĩ N (Đồng Chí N) không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kim P phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), chuyển 300.000 đồng bà P đã nộp theo biên lai thu số 0005036 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành

án phí. Bà P đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Kim P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 18/12/2020. Bị đơn ông Đồng Sĩ N (Đồng Chí N) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- UBND phường Thuận An;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lắm